

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/DS-ST

Ngày: 24-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng

dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Bá Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Số 24/30 đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 7, thị trấn D, huyện D1, tỉnh B. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Số 28, đường Độc Lập, khu phố 2, thị trấn D, huyện D1, tỉnh B.

Vắng mặt lần 2 không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2018, những tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình tố tụng cũng như lời trình bày tại phiên tòa của bà T thể hiện như sau:*

Giữa bà T và ông T có mối quan hệ quen biết do làm việc chung tại Nhà máy chế biến mủ cao su Phú Bình. Nên vào ngày 01/8/2017, ông T vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng. Bà T đồng ý cho ông T vay số tiền trên. Khi vay, ông

T có viết giấy vay tiền và ông T tự ký tên và ghi họ tên. Hai bên thỏa thuận trong vòng 01 tuần thì ông T sẽ trả nợ. Đến hạn, bà T yêu cầu ông T trả nợ. Ông T cứ hẹn nhiều lần và cố tình né tránh, không trả nợ kéo dài thời gian cho đến nay. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số tiền 50.000.000 đồng.

Chứng cứ mà bà T cung cấp: Giấy mượn tiền ngày 01/8/2017 (bản photo).  
Chứng cứ mà Tòa án thu thập: Kết luận giám định số 256/GĐ-PC09 ngày 15/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

*Bị đơn ông T vắng mặt trong tất cả quá trình tố tụng:*

Ông T đã được Tòa án tiến hành giao Thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập, niêm yết công khai tại nhà (cha mẹ ruột của ông T), giao các giấy triệu tập cho mẹ ruột của ông Thành là bà Đoàn Thị Hồng H; niêm yết tại trụ sở UBND thị trấn Dầu Tiếng và tại trụ sở Tòa án, nhưng ông T vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Theo đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Hoàng Anh) có ý kiến:*

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn; riêng bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Phiên tòa diễn ra đúng thành phần tham gia tố tụng.

Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Quan điểm xử lý vụ án: Trên cơ sở kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương xác định các chữ ký, chữ viết trên giấy vay nợ là do ông Nguyễn Viết Thành ký, viết ra. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Trên cơ sở chứng cứ là giấy vay tiền: Giấy mượn tiền ngày 01/8/2017 mà nguyên đơn cung cấp. Nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu bị đơn trả tiền. Hội đồng xét xử xác định vụ kiện thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 01/8/2017, ông T có viết giấy tay vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng có tên là “biên nhận”. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình bà Đoàn Thị Hồng H (là mẹ của ông Nguyễn Viết T) có địa chỉ cư trú tại khu phố 2, thị trấn D, huyện D1, tỉnh B; xác minh địa chỉ cư trú của ông T để tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T. Tuy nhiên, ông T vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện quyền, nghĩa vụ của ông T. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Viết T ghi dưới mục giấy “biên nhận” ngày 01/8/2017. Kết quả: Tại kết luận số 256/GĐ-PC09 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định chữ ký, chữ viết Nguyễn Viết T ghi dưới mục giấy “biên nhận” ngày 01/8/2017 so với chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Viết T trong các tài liệu mẫu là do một người ký và viết ra. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, ông T có vay của bà T 50.000.000 đồng vào ngày 01/8/2017.

Lãi suất, thời hạn trả nợ: Trong giấy biên nhận các bên không thể hiện thỏa thuận lãi suất; không thể hiện thời hạn trả nợ. Bà T khai rằng chỉ cho vay không tính lãi và thỏa thuận miệng với nhau là sẽ trả nợ trong 01 tuần. Bà T không yêu cầu ông T trả tiền lãi. Tòa án không thu thập được lời khai của ông T, do ông T vắng mặt nên chấp nhận theo lời khai của bà T.

Đến cuối năm 2018 đầu năm 2019, bà T đòi lại tiền nhưng ông T không trả và cố tình né tránh. Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà T đã nộp chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 1.930.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng). Ông T phải chịu chi phí này. Ông T phải trả cho bà T số tiền 1.930.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 26, 235, 243, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Viết T.

Buộc ông Nguyễn Viết T phải trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Sau khi án có hiệu lực, kể từ ngày ông bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Bà T đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 1.930.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng). Ông T phải chịu chi phí này. Ông T phải trả cho bà T số tiền 1.930.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

3. Về án sơ dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Viết T chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0031538 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 24/9/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Vũ Anh Tuấn**